

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 29 - 8 - 2023
V/v xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Thanh

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Anh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2023/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023 về việc “Xin ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 75/2023/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân P, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn TH, xã LH, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn TĐ, xã TH, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Vợ chồng ông Tạ Đăng T, sinh năm 1972, bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ MT, Phường MH, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Do có kháng cáo của bị đơn chị Trần Thị H

(các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn anh Nguyễn Xuân P trình bày: Anh Nguyễn Xuân P xây dựng gia đình với chị Trần Thị H vào năm 2011 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LH, huyện Lâm Hà vào ngày 20/6/2011. Quá

trình chung sống anh chị hòa thuận hạnh phúc đến tháng 01/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về T cách, lối sống, quan điểm sống không hòa hợp. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do không còn tình cảm nên vợ chồng đã ly thân từ khoảng tháng 9/2022 cho đến nay nên yêu cầu xin được ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Xuân P xác định có 02 con chung là Nguyễn Phạm Hoàng A, sinh ngày 02/01/2013 và Nguyễn Phạm Minh Đ, sinh ngày 09/7/2016. Khi ly hôn anh P yêu cầu mỗi người nuôi một con chung, do con Nguyễn Phạm Hoàng A có nguyện vọng được ở với mẹ nên anh P tôn trọng nguyện vọng của con, anh P yêu cầu nuôi con là Nguyễn Phạm Minh Đ và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có mua của ông Tạ Đăng T, bà Nguyễn Thị U một lô đất vào cuối năm 2017 (*lô đất này đã chuyển nhượng cho ông T1*) nhưng vợ chồng còn thiếu tiền chưa trả cho ông T, bà U nên vợ chồng có viết giấy nhận nợ số tiền 100.000.000đ, hạn ngày 15/01/2018 sẽ trả. Sau đó anh P có đưa tiền cho chị H trả cho ông T, bà U số tiền 50.000.000đ, ngoài ra anh P có trả cho ông T bà U 4.000.000đ nên còn nợ lại 46.000.000đ. Nay ly hôn anh P yêu cầu chia đôi số nợ này.

Ngoài ra anh P có nợ chị gái anh P là bà Nguyễn Thị T3 ở LH 2, xã LH số tiền 800.000.000đ, nợ anh L ở HĐ 14.000.000đ đến 15.000.000đ; Nợ chị D H ở thôn SC, xã LH, Lâm Hà số tiền 20.000.000đ; Nợ anh chị HV ở Ngã Chín, Liên Hà số tiền 10.000.000đ. Đối với khoản nợ của bà T2 thì anh P nhận chịu và tự giải quyết với bà T2. Các chủ nợ còn lại anh P không biết họ tên, địa chỉ cụ thể, toàn bộ các khoản nợ này là anh P trực tiếp vay nợ để làm ăn, chị H không trực tiếp vay. Sau khi làm việc tại Tòa án thì anh P đã trả toàn bộ nợ cho các chủ nợ nêu trên nên anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh P không còn yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng bị đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị Trần Thị H xây dựng gia đình anh Nguyễn Xuân P vào năm 2011, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Liên Hà, huyện Lâm Hà ngày 20/6/2011. Quá trình chung sống vợ chồng chị H hòa thuận hạnh phúc đến tháng 12/2022 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng chị H bất đồng quan điểm, anh P và gia đình anh P đánh đập chị H nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2022 đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị H đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Phạm Hoàng A, sinh ngày 02/01/2013 và Nguyễn Phạm Minh Đ, sinh ngày 09/7/2016. Khi ly hôn chị H

nuôi con là Nguyễn Phạm Hoàng A, còn anh P nuôi con là Nguyễn Phạm Minh Đ. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ngày 28/02/2023 chị Trần Thị H có đơn yêu cầu phản tố về việc yêu cầu anh Nguyễn Xuân P phải thanh toán cho chị H số tiền 449.500.000đ và có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị O 25.000.000đ, trả cho bà Trần Thị H1 10.000.000đ. Tòa án có gửi thông báo nộp tiền tạm ứng án phí và yêu cầu nộp chứng cứ đối với yêu cầu phản tố của chị H nhưng chị H không nộp tiền tạm ứng án phí và không nộp tài liệu chứng cứ. Tại buổi hòa giải ngày 08/6/2023 chị H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ ông Tạ Đăng T, bà Nguyễn Thị U số tiền 46.000.000đ, chị H yêu cầu anh P phải trả. Ngoài ra không còn nợ ai khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Tạ Đăng T, bà Nguyễn Thị U trình bày: Tháng 11 năm 2017 vợ chồng ông bà có bán 01 lô đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thôn 10, xã Tân Thanh cho anh Nguyễn Xuân P, chị Trần Thị H. Anh P, chị H đã nhận đất sử dụng nhưng chưa thanh toán hết tiền cho vợ chồng ông bà nên tháng 11/2017 hai bên có viết giấy nhận nợ anh P hẹn đến tháng 01/2018 phải trả cho ông bà số tiền nợ 100.000.000đ và lãi suất theo lãi suất Ngân hàng, nhưng sau đó anh P, chị H không trả nợ gốc và lãi. Đến đầu tháng 02/2018 (âm lịch) chị H có đến trả cho ông bà 50.000.000đ, còn 50.000.000đ chưa trả. Đến tháng 9/2022 (âm lịch) chị H có trả 4.000.000đ nhưng đây là tiền lãi. Như vậy, hiện nay anh P chị H còn nợ ông T, bà U 50.000.000đ nên ông bà khởi kiện yêu cầu anh P, chị H phải trả cho ông bà số tiền 50.000.000đ. Ngoài ra ông T, bà U không còn yêu cầu gì khác.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 75/2023/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà đã xử:

1. *Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Xuân P, xử cho anh Nguyễn Xuân P và chị Trần Thị H được ly hôn.*

2. *Về con chung: Giao con là Nguyễn Phạm Hoàng Anh, sinh ngày 02/01/2013 cho chị Trần Thị H có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con.*

Giao con là Nguyễn Phạm Minh Đức, sinh ngày 09/7/2016 cho anh Nguyễn Xuân P có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về nợ chung: Buộc anh Nguyễn Xuân P phải trả cho ông Tạ Đăng T, bà Nguyễn Thị U số tiền 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng)*

Buộc chị Trần Thị H phải trả cho ông Tạ Đăng T, bà Nguyễn Thị U số tiền 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 05/7/2023, chị Trần Thị H kháng cáo một phần bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc anh Nguyễn Xuân P phải trả toàn bộ số tiền 46.000.000đ cho ông Tạ Đăng T, bà Nguyễn Thị U.

Tại phiên tòa hôm nay,

Bị đơn chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn anh P đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T, bà U đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm trước khi xét xử phúc thẩm Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Trần Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Trần Thị H, thủ tục kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ hôn nhân, con chung: Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của chị H về nợ chung Hội đồng xét xử thấy rằng:

Anh Nguyễn Xuân P và chị Trần Thị H đều thừa nhận có mua của ông Tạ Đăng T, bà Nguyễn Thị U 01 lô đất vào cuối năm 2017 nhưng chưa thanh toán hết tiền đất, nên tháng 11/2017 anh P, chị H đã viết giấy nhận nợ số tiền 100.000.000đ, hẹn ngày 15/01/2018 sẽ trả (*bút lục 23*). Đến tháng 02/2018 chị H đã thanh toán cho vợ chồng ông T, bà U 50.000.000đ và tháng 9/2022 thanh toán 4.000.000đ và còn nợ 46.000.000đ.

Xét thấy; các bên đều thừa nhận khoản nợ bà U, ông T là 100.000.000đ, đã thanh toán 54.000.000đ, còn nợ 46.000.000đ, anh P yêu cầu mỗi người có nghĩa vụ thanh toán $\frac{1}{2}$ khoản nợ, chị H không đồng ý với lý do khoản tiền 54.000.000đ chị trực tiếp thanh toán cho bà U, ông T là tiền riêng của chị, nên khoản nợ còn lại anh P có nghĩa vụ thanh toán, nhưng không có tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình, hơn nữa anh P không thừa nhận. Do đó; Tòa án cấp sơ thẩm xác định khoản tiền chị H đã thanh toán cho ông T, bà U phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, chị H không chứng minh được là tiền riêng nên xác định

khoản tiền đã thanh toán là tiền chung của vợ chồng và xác định khoản nợ còn lại 46.000.000đ là nợ chung của vợ chồng và buộc mỗi người có nghĩa vụ thanh toán $\frac{1}{2}$ khoản nợ chung là phù hợp.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên chị H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 75/2023/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

Xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Xuân P. Cho anh Nguyễn Xuân P và chị Trần Thị H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phạm Hoàng Anh, sinh ngày 02/01/2013 cho chị Trần Thị H có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao con chung Nguyễn Phạm Minh Đức, sinh ngày 09/7/2016 cho anh Nguyễn Xuân P có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về nợ chung: Buộc anh Nguyễn Xuân P có nghĩa vụ thanh toán cho ông Tạ Đăng T, bà Nguyễn Thị U 23.000.000đ (*Hai mươi ba triệu đồng*). Buộc chị Trần Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Tạ Đăng T, bà Nguyễn Thị U 23.000.000đ (*Hai mươi ba triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (khi án đã có hiệu lực pháp luật) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Xuân P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 1.150.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0012416 ngày 04/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, anh Nguyễn Xuân P còn phải nộp 1.150.000đ án phí dân sự sơ thẩm còn thiếu.

Buộc chị Trần Thị H phải chịu 1.150.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014906 ngày 13/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Chị H còn phải nộp tiếp số tiền 1.150.000đ án phí còn thiếu.

Hoàn trả cho ông Tạ Đăng T, bà Nguyễn Thị U 1.250.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013509 ngày 04/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện Lâm Hà (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự (4);
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Lê Thị Vân